

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

... Không thể nào chấp nhận sống:
Với lời cầu xin, lời dọa nạt
Con người luôn đi sau thời gian
Để thời gian chỉ còn báo mộng
Không thể nào bung hai tay
Một bình an đang sống
Không thể nào cúi đầu
Nhìn ngón chân bắt lực.
Không thể nào chấp nhận sống:
Mà không biết mình về đâu
Không biết mình có thể làm gì
Buồn vui theo kẻ khác.
Không thể nào chấp nhận sống:
Trong sợ hãi, trong lọc lừa
Chẳng nhớ tìm mình còn đập.
Không thể nào chấp nhận sống:
Khi mình chưa là mình
Trống rỗng như vực thẳm...

(Trích *Sống* - Nguyễn Khoa Điềm, thi vien.net)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra ba lối sống *không thể nào chấp nhận* được đề cập trong đoạn trích.

Câu 3. Nêu hiệu quả của phép điệp cấu trúc: *Không thể nào chấp nhận sống...*

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến của tác giả *Không thể nào chấp nhận sống/ Mà không biết mình về đâu không?*
Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của việc sống là chính mình.

Câu 2: (5.0 điểm)

Tác phẩm “Người lái đò sông Đà” (Nguyễn Tuân) có đoạn viết:

“Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đối luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cưỡi lên thác Sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ. Dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đứng luồng rồi, ông đồ ghè cương lái, bám chắc lấy luồng nước đứng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đồ vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn vắng tiếng reo hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thằng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu ngui cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng cái cửa sinh nó trấn lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác. Dòng sông vắn mình vào một cái bến cát có hang lạnh. Sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh, về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi cá tủa ra đầy tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ sóng từ tay những cái thác, nên nó cũng không có gì là hồi hộp đáng nhớ... Họ nghĩ thế, lúc ngừng chèo.”

Cảm nhận của em về nhân vật ông lái đò trong đoạn văn trên. Từ đó hãy nêu nhận xét những khám phá mới mẻ của Nguyễn Tuân về vẻ đẹp người lao động.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn

(Đáp án và Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Thể thơ: Tự do Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm.	0,5
	2	Lối sống không thể nào chấp nhận được đề cập trong đoạn trích: Sống với lời cầu xin, lời dọa nạt; sống cúi đầu; sống không biết về đâu, không biết có thể làm gì; sống buồn vui theo kẻ khác; sống trong sợ hãi, trong lọc lừa; sống chưa là mình. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 03 ý trong các ý trên : 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 02 ý trong các ý trên : 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 01 ý trong các ý trên : 0,25 điểm <i>Lưu ý: HS có thể chép lại những câu thơ có lối sống không thể chấp nhận vẫn cho điểm tối đa.</i>	0,75
	3	Hiệu quả của phép điệp cấu trúc: Không thể nào chấp nhận sống... - Nhấn mạnh, khẳng định quan niệm sống của tác giả: không chấp nhận sống giả dối, hèn nhát, vô giá trị, không dám là chính mình. - Đồng thời làm nổi bật thông điệp: sống thật, sống tích cực với những giá trị mình có. - Góp phần tạo nhịp điệu dồn dập, âm hưởng thôi thúc, tăng sức biểu cảm cho đoạn thơ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 03 ý trong các ý trên : 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 02 ý trong các ý trên : 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 01 ý trong các ý trên : 0,25 điểm	0,75
	4	- Bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần. (0,25 điểm) - Lí giải hợp lí, thuyết phục. (0,75 điểm)	1,0
II		LÀM VĂN	
	1	Viết đoạn văn về sự cần thiết của việc sống là chính mình.	2,0
	a)	Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: sự cần thiết của việc sống là chính mình.	0,25
	c.	Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sự cần thiết của việc sống là chính mình. Có thể theo hướng sau: - Sống được là chính mình tức là sống với những gì tự nhiên vốn có trong	1,0

	<p>con người bạn, không cần phải gò bó hay ép buộc mình phải sống giống bất kỳ ai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống là chính mình khiến ta không phải che giấu suy nghĩ, cảm xúc, được thành thật với bản thân. Từ đó, tìm thấy niềm vui, sự an yên trong cuộc sống. - Được sống là chính mình giúp ta có ý chí, kiên định, có động lực, niềm tin hoàn thiện mình và thực hiện mục tiêu sống. - Sống là chính mình sẽ tạo nên bản sắc riêng, làm cho cộng đồng đa sắc diện. - Liên hệ bản thân. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>d) Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. 	0,25
	<p>e) Sáng tạo</p> <p>Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Cảm nhận của em về nhân vật ông lái đò trong đoạn văn trên. Từ đó hãy nêu nhận xét khám phá mới mẻ của Nguyễn Tuân về vẻ đẹp người lao động.</p>	5,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận về ông lái đò trong đoạn văn. - Nhận xét về những phát hiện mới mẻ của Nguyễn Tuân về vẻ đẹp người lao động. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu tác giả (0,25) tác phẩm và đoạn trích (0,25)</p>	0,5
	<p>* Phân tích ông lái đò trong đoạn văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Bối cảnh, tình huống xuất hiện nhân vật: Nhà văn đã đặt nhân vật vào một cuộc vượt thác. Con sông Đà hung bạo, ác hiểm bày "trùng vi thạch trận" ba vòng, dụ thuyền đối phương... + Ông lái đò là người lao động đầy trí dũng: người lái đò hiện lên với bản lĩnh dũng cảm phi thường: cưỡi trên thác dữ, xông pha giữa sóng thác hung bạo; với trí nhớ siêu phàm, kinh nghiệm dày dặn. Ông nhớ mặt từng hòn đá lòng sông và "nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá". Từng 	2,5

	<p>động tác lái đò của ông vô cùng chuẩn xác, dứt khoát. 0,5đ</p> <p>+ Ông là người tài hoa: tay lái khéo léo, điêu luyện, mọi động tác của ông đều đạt tới sự chính xác tuyệt đối: nắm lấy cái bìm sóng lái miết...; ông đưa con thuyền bay trên sóng nước: 0,5đ</p> <p>+ Ông là người lao động giản dị, bình tâm: không ai nói về trận chiến, họ trở về với những câu chuyện đời thường -> Vẻ đẹp bình dị của người lao động. 0,5đ</p> <p>- Nghệ thuật: 0,75đ</p> <p>+ Nhịp điệu câu văn mạnh mẽ như ca trào của một bản hùng ca.</p> <p>+ Cách kể chuyện hấp dẫn, đầy kịch tính.</p> <p>+ Ngôn ngữ điêu luyện, thể hiện sự uyên bác (huy động ngôn ngữ và kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống).</p>	
	<p>* <i>Nhận xét khám mới mẻ của Nguyễn Tuân về người lao động:</i> Bên cạnh vẻ đẹp cần cù nhân hậu, Nguyễn Tuân còn khám phá:</p> <p>- Vẻ đẹp trí dũng.</p> <p>- Vẻ đẹp tài hoa, mang đậm chất nghệ sĩ.</p> <p>-> Thể hiện tình yêu, sự gắn bó và ngưỡng mộ, tự hào về con người đất nước.</p>	0,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Kim Lân; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</i></p>	0,5
Tổng điểm		10,0